

Số: 1354/QĐ - SVHTTDL

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2026
(đợt 2) của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 7663/STC-HCSN ngày 26/12/2025 của Sở Tài chính về việc Thông báo phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1302/QĐ-SVHTTDL ngày 30/12/2025 của Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch về việc Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các đơn vị trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-SVHTTDL ngày 30/12/2025 của Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 (đợt 2) cho đơn vị dự toán Văn phòng Sở thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 (đợt 2) của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các phòng thuộc Sở và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- Giám đốc; các PGĐ Sở;
- Công TTĐT Sở VH TT&DL;
- Lưu VT, KHTC.

(Thảo 02 bản)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Ngọc

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026 (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số: 1354/QĐ-SVHTTDL ngày 31/12/2025 của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng								
			Văn phòng Sở	Bảo tàng	Thư viện	Trung tâm Văn hoá	Đoàn Nghệ thuật các dân tộc	Ban Quản lý các Khu di tích quốc gia đặc biệt	Trung tâm khai thác xúc tiến phát triển du lịch	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TT	Trường Phổ thông năng khiếu TDTT
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu sự nghiệp										
1	Tổng số thu phí, lệ phí	171	171								
-	Phí, Lệ phí	171	171								
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	90	90								
-	Chi từ thu phí, lệ phí	90	90								
3	Số phí, lệ phí, thu sự nghiệp nộp NSNN	81	81								
-	Phí, lệ phí	81	81								

II	Dự toán chi NSNN	296.556	46.349	8.773	8.978	17.062	20.584	12.927	8.718	124.336	48.829
1	Sự nghiệp Văn hóa Thông tin	93.043	24.719	8.773	8.978	17.062	20.584	12.927			
	<i>Loại 160 - Khoản 161</i>	<i>80.824</i>	<i>12.500</i>	<i>8.773</i>	<i>8.978</i>	<i>17.062</i>	<i>20.584</i>	<i>12.927</i>			
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.079		4.363	4.742	9.027	12.564	5.383			
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	44.745	12.500	4.410	4.236	8.035	8.020	7.544			
	<i>Loại 160 - Khoản 171</i>	<i>12.219</i>	<i>12.219</i>								
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.219	12.219								
2	Sự nghiệp thể dục thể thao <i>Loại 220 Khoản 221</i>	184.665	11.500							124.336	48.829
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.664								7.340	7.324
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	170.001	11.500							116.996	41.505
3	Sự nghiệp kinh tế <i>Loại 280 Khoản 322</i>	18.848	10.130						8.718		
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.816							2.816		
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.032	10.130						5.902		